

HƯỚNG DẪN

Tuyển sinh trường phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở năm học 2021-2022

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông Dân tộc nội trú (PT DTNT) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1788/UBND-KGVX ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận Kế hoạch số 3010/KH-SGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo kế hoạch tuyển sinh lớp 6 THCS, lớp 10 THPT và THPT chuyên năm học 2020-2021;

Căn cứ Công văn số 262/UBND-KGVX ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt địa bàn tuyển sinh các trường PT DTNT năm học 2021-2022;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn tuyển sinh vào các trường PT DTNT trung học cơ sở (THCS) năm học 2021-2022 với các nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trung học; đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục dân tộc trên từng địa bàn.
2. Công tác tuyển sinh phải đảm bảo đúng đối tượng, chính xác, công bằng, khách quan, đúng quy định hiện hành.
3. Các trường cần phối hợp với cha mẹ học sinh, các cấp quản lý thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục học sinh nội trú.

II. Công tác tuyển sinh

1. Đối tượng

a) Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.

b) Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng

01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định là vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thì cũng thuộc diện tuyển sinh vào trường PT DTNT.

c) Trường PT DTNT được phép tuyển sinh không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển mới hằng năm là người dân tộc Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chỉ tiêu và quy mô tuyển sinh

Các trường PT DTNT THCS: quy mô toàn trường 250 học sinh; được biên chế như sau: lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9: mỗi khối 2 lớp, tổng số là 8 lớp/trường; mỗi lớp không quá 35 học sinh, số lượng tuyển sinh như sau:

- Trường PT DTNT THCS Châu Thành: 02 lớp 6, tuyển 60 học sinh.
- Trường PT DTNT THCS Gò Quao: 02 lớp 6, tuyển 61 học sinh.
- Trường PT DTNT THCS Giồng Riềng: 02 lớp 6, tuyển 62 học sinh.
- Trường PT DTNT THCS Hà Tiên: 02 lớp 6, tuyển 70 học sinh.
- Trường PT DTNT THCS An Biên: 02 lớp 6, tuyển 70 học sinh.

3. Địa bàn tuyển sinh

Thực hiện theo Công văn số 262/UBND-KGVX ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt địa bàn tuyển sinh các trường PT DTNT năm học 2021-2022.

4. Điều kiện và hồ sơ dự tuyển

a) Điều kiện dự tuyển

- Thuộc đối tượng tuyển sinh (như mục II.1).
- Trong độ tuổi quy định: Thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông.

b) Hồ sơ dự tuyển

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu của trường);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Bản photo hộ khẩu thường trú (không phải chứng thực) và xuất trình kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp hồ sơ hoặc bản sao từ sổ gốc có chứng thực; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận hộ khẩu của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền tại địa phương;

- Học bạ cấp tiểu học (bản chính), có xác nhận hoàn thành chương trình Tiểu học;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

- Bản cam kết của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh cho con em ở nội trú trong trường và tạo điều kiện cho con em theo học hết cấp học, nếu bỏ học dở dang sẽ bồi thường kinh phí theo quy định hiện hành (theo mẫu của trường).

5. Phương thức tuyển sinh

Các trường PT DTNT THCS tuyển sinh theo phương thức xét tuyển.

5.1. Xét tuyển trên cơ sở tổng điểm bài kiểm tra cuối năm học (BKTCN) của môn Toán, môn Tiếng Việt lớp 4 và lớp 5 cộng điểm quy đổi xếp loại học lực cuối năm của 5 năm tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5 của năm học 2020-2021 trở về trước) cộng điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có), cụ thể như sau:

- Điểm BKTCN của môn Toán, môn Tiếng Việt lớp 4, lớp 5 không làm tròn.

- Điểm quy đổi đánh giá cuối năm của 5 năm tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5) như sau:

- + 10 điểm: đánh giá định kì về học tập cuối năm học của từng môn học và hoạt động giáo dục mức Hoàn thành tốt, đánh giá định kì về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học mức Tốt.

- + 9 điểm: đánh giá định kì về học tập cuối năm học của từng môn học và hoạt động giáo dục mức Hoàn thành tốt, đánh giá định kì về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học mức Đạt.

- + 8 điểm: đánh giá định kì về học tập cuối năm học của từng môn học và hoạt động giáo dục mức Hoàn thành, đánh giá định kì về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học mức Tốt.

- + 7 điểm: đánh giá định kì về học tập cuối năm học của từng môn học và hoạt động giáo dục mức Hoàn thành, đánh giá định kì về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học mức Đạt

- Điểm ưu tiên của học sinh thuộc các nhóm đối tượng quy định tại điểm a,b khoản 2 của Điều 7, Thông tư 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT. Cụ thể như sau: Nhóm đối tượng 1: Cộng 3 điểm; Nhóm đối tượng 2: Cộng 2,5 điểm; Nhóm đối

tượng 3: cộng 2,0 điểm.

- Chế độ khuyến khích: Cộng 1,0 điểm cho học sinh cấp Tiểu học có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiếng Khmer do cấp có thẩm quyền cấp.

* Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối có nhiều học sinh có tổng số điểm bằng nhau thì xét thứ tự ưu tiên như sau: đánh giá định kì về học tập cuối năm học của từng môn học và hoạt động giáo dục mức Hoàn thành tốt và đánh giá định kì về từng năng lực, phẩm chất cuối năm học mức Tốt của lớp 5; tổng điểm BKTCN của môn Toán và Tiếng Việt lớp 5 của học sinh cao hơn thì trúng tuyển.

5.2. Chế độ tuyển thẳng

- Học sinh là người dân tộc rất ít người;

- Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng quy định tại Điều 18 của Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học.

6. Thời gian tuyển sinh

Hoàn thành công tác tuyển sinh trước ngày 31 tháng 7 năm 2021.

7. Hồ sơ duyệt kết quả tuyển sinh

Các trường gửi hồ sơ đề nghị duyệt kết quả tuyển sinh về Sở GDĐT (qua phòng GDTrH & GDTX) bao gồm:

+ Biên bản họp xét duyệt kết quả (01 bản);

+ Bảng ghi tên, ghi điểm thí sinh được xếp theo A, B, C ... theo mẫu (02 bản);

+ Danh sách thí sinh trúng tuyển được xếp theo điểm từ cao xuống thấp theo mẫu (02 bản).

III. Tổ chức thực hiện

1. Các trường PT DTNT THCS xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2021-2022, trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt trước ngày 30/4/2021 và thông báo đến các phòng Giáo dục và Đào tạo, trường tiểu học trên địa bàn tuyển sinh theo thời gian quy định.

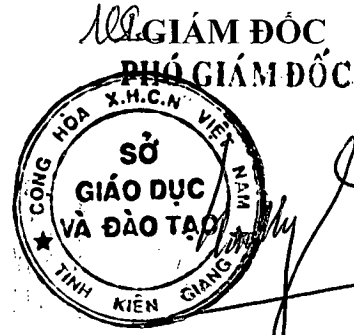
2. Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh theo đề nghị của Hiệu trưởng (liên hệ phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo). Hội đồng tuyển sinh xét duyệt mời thêm đại diện lãnh đạo phòng GDTrH&GDTX, Phòng Giáo dục và Đào tạo, đại diện lãnh đạo hoặc chuyên viên phụ trách công tác Dân tộc của các huyện, thành phố có học sinh

thuộc địa bàn tuyển sinh tham gia dự tuyển.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường PT DTNT THCS phối hợp triển khai thực hiện tốt hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị liên hệ Phòng Giáo dục Trung học và Giáo dục Thường xuyên để kịp thời giải quyết. / *Phu*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Phòng thuộc Sở GDĐT;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng GDĐT huyện, thành phố;
- Trường PT DTNT THCS;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, P. GDTrH&GDTX.



Cao Thanh Hùng